

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG BÁCH VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG BÁCH VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH VIET ELECTRONIC TECHNOLOGY TELECOMMUNICATIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108850595

**3. Ngày thành lập:** 31/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 48, tổ 45 ngách 107/55 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02436446266

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                     | 2610        |
| 2.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                 | 2630        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                             | 2640        |
| 4.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện | 2710        |
| 5.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                        | 2733        |
| 6.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                              | 2740        |
| 7.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                      | 2750        |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                     | 3312        |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                         | 3313        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                         | 3314        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                         | 3319        |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ đấu giá                                                                                                         | 4610        |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                            | 4651        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                             | 4652(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4741 |
| 17. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4742 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933 |
| 19. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5820 |
| 20. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6201 |
| 21. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6202 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6209 |
| 23. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6311 |
| 24. | Cổng thông tin<br>Loại trừ hoạt động báo chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312 |
| 25. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí                                                                                                                                                                                                                                   | 6399 |
| 26. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310 |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                             | 7730 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8220 |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8230 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Xuất khẩu, nhập khẩu                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299 |

|     |                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 9329 |
| 32. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                        | 9511 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN | Số 6D3, tập thể Dệt Kim Đông Xuân, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    | 001175002019                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                    | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                    |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                    |                           |         |               |        |                  |  |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 2 | ĐỖ VĂN CHUNG    | Số 6D3, tập thể Dệt Kim Đông Xuân, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 | 0010750021<br>27 |  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Tổng số                   | 120.000 | 1.200.000.000 | 40,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    |                           |         |               |        |                  |  |
| 3 | NGUYỄN HỒNG NAM | Số 6D3, tập thể Dệt Kim Đông Xuân, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000  | 300.000.000   | 10,000 | 0010700151<br>57 |  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    | Tổng số                   | 30.000  | 300.000.000   | 10,000 |                  |  |
|   |                 |                                                                                                    |                           |         |               |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 21/01/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001175002019

Ngày cấp: 18/08/2014

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6D3, tập thể Dệt Kim Đông Xuân, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 48, tổ 45 ngách 107/55 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội